

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết T bộ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết T bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Tạ Đức H, sinh năm 1963.**

Địa chỉ: Khu 3, Phú Thịnh, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P).

- **Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.**

Địa chỉ: Đội 5, xóm Ngoại, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1956 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Quốc T thuộc đoàn luật sư tỉnh P; Địa chỉ: Số nhà 1061 đường Hùng Vương, phường T Sơn, thành phố V, tỉnh P (nay là phường Thanh Miếu, tỉnh P).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh P.**

Địa chỉ: Phường N, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Ngọc T, sinh năm 1985; chức vụ: chuyên viên phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị. (Theo Văn bản ủy quyền số: 13/TB-UBND ngày 16/7/2025).

+ **Ông Đinh Văn Duy, sinh năm 1960.**

Địa chỉ: Đội 5, xóm Ngoại, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P).

+ **Ông Đào Ngọc D, sinh năm 1964.**

Địa chỉ: Đội 5, xóm Ngoại, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P).

+ **Bà Đinh Thị N, sinh năm 1958.**

Địa chỉ: Đội 3, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P).

+ **Ông Đinh Quang T, sinh năm 1963.**

Địa chỉ: Đội 5, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P).

+ Bà Đinh Thị K, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 14A, phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P (nay là phường Thanh Miếu, tỉnh P).

+ Anh Đinh Quang N, sinh năm 1991.

+ Anh Đinh Mạnh T, sinh năm 1995.

Đều có địa chỉ: Đội 5, xóm Ngoại, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Tạ Đức H, bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Duy, anh Đinh Quang N đều xác định thửa đất số 39, tờ bản đồ 46, diện tích 202,1m² (loại đất T) tại xóm Ngoại, xã T, thành phố V, tỉnh P (nay là phường N, tỉnh P) có nguồn gốc là năm 1994 Ủy ban nhân dân thành phố V có chủ trương cấp đất thổ cư cho nhân dân có nhu cầu về đất ở tại xã T, thành phố V, vì vậy ông Đinh Văn Đức (tên gọi khác là Đinh Hữu Đức), sinh năm 1967, chết năm 2006 (là chồng bà Nguyễn Thị T) đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp đất thổ cư theo Quyết định số: 114/QĐ-UB ngày 19/3/1994 kèm theo danh sách xin đất làm nhà riêng của nhân dân xã T, thành phố V trong ba năm 1991 - 1993 (127 hộ gia đình), tên ông Đinh Văn Đức thể hiện tại số thứ tự 33 trong danh sách xin đất làm nhà riêng. Giữa ông Đinh Văn Đức và ông Đinh Văn Duy là hai anh em ruột, ông Duy là người đi nộp tiền lệ phí đất nhưng do ông Duy không có tiền nên đã nói với ông Tạ Đức H (là con của bà cô ruột) nếu ông có tiền thì đi nộp các loại lệ phí mà lấy đất sử dụng. Ông H đồng ý và đưa tiền cho ông Duy đi nộp các loại lệ phí đất, lệ phí quy hoạch địa chính, lệ phí san lấp mặt bằng với tổng số tiền là 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Các phiếu thu tiền đều đứng tên ông Đinh Văn Duy. Cho nên, sổ mục kê năm 1996 của Ủy ban nhân dân xã T cũ, nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh P lưu giữ thì thửa đất trên hiện tại đứng tên chủ sử dụng đất là ông Đinh Văn Duy, còn người thực tế sử dụng đất là ông Tạ Đức H.

2.2. Nay ông Tạ Đức H, ông Đinh Văn Duy, bà Nguyễn Thị T, anh Đinh Quang N đều thống nhất nội dung thỏa thuận như sau:

- Ông Tạ Đức H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 127,6m² (loại đất T) thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46 tại xóm Ngoại, (xã T cũ) phường N, tỉnh P theo các chỉ giới 1, 2, 3, 6, 1.

- Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 74,5m² (loại đất T) thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46 tại xóm Ngoại, (xã T cũ), phường N, tỉnh P theo các chỉ giới 6, 3, 4, 5, 6.

- Ông Tạ Đức H và bà Nguyễn Thị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 04 cây xoan do ông Tạ Đức H trồng trên phần đất nay thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46 ở xóm Ngoại, (xã T cũ), phường N, tỉnh P. Ông Tạ Đức H phải tự chặt và di dời 04 cây xoan để trả lại đất cho bà Nguyễn Thị T. Trường hợp ông H không tự chặt và di dời 04 cây xoan thì bà T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ông Tạ Đức H phải tự tháo dỡ phần tường rào xây bằng gạch chỉ có chiều dài

19,16m có vị trí theo các điểm 4, 5, 6 trên phần đất nay thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị T tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 46 ở xóm Ngoại, (xã T cũ), phường N, tỉnh P. Trường hợp ông H không tự tháo dỡ thì bà T có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Các bên không phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

(Có bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 6.490.000đ (*Sáu triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng*). Xác nhận ông Tạ Đức H đã nộp đủ số tiền trên. Ông Tạ Đức H và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận mỗi bên tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ là 3.245.000đ (*Ba triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tạ Đức H số tiền 3.245.000đ (*Ba triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*). Xác nhận bà T đã thanh toán xong cho ông H số tiền trên.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Tạ Đức H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông H không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.166.250đ (làm tròn 3.166.000đ) (*Ba triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND khu vực 1 - P;
- THADS tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đào Thị H

